

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2019

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Trực
2. Ông Nguyễn Văn Lân.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 296/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Quỳnh D, sinh năm 1978;

Địa chỉ: 9B C, phường V, thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Thanh Ch, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 9B C, phường V, thành phố Huế, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 5 năm 2019 và các lời khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Quỳnh D trình bày: Chị D và anh Đặng Thanh Ch sau thời gian tìm hiểu 04 năm thì đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hiệp, thành phố Huế vào ngày 26/10/2004. Sau khi kết hôn, thì vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và chị đã có ý định xin ly hôn anh Ch sau 01 tháng kể từ ngày cưới. Tuy nhiên, chị được gia đình khuyên can nên đã từ bỏ ý định đó. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu trầm trọng từ tháng 8 năm 2013 khi chị sinh người con thứ hai. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng

quan điểm sống, anh Ch không quan tâm đến chị và hay có những lời lẽ xúc phạm chị. Tháng 11/2018, do không thể chung sống cùng anh Ch nên chị D đã về nhà ba mẹ mình sống cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân thì vợ chồng không còn gặp nhau, quan tâm hay chăm sóc gì đến nhau nữa. Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn quan tâm gì đến nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị Phạm Thị Quỳnh D khai có 02 con chung là cháu Đặng Quỳnh Nguyệt A, sinh ngày 25/4/2006 và Đặng Gia B, sinh ngày 26/8/2013, hiện nay cả hai cháu chủ yếu sống cùng chị D. Nếu ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Nguyệt A và Gia B đến khi trưởng thành. Chị D không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D khai không có nợ chung.

Phía bị đơn – anh Đặng Thanh Ch: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã nhiều lần triệu tập anh Ch đến làm việc nhưng anh Ch không đến nên Tòa án không lấy được lời khai, cũng như công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn: đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Phạm Thị Quỳnh D được ly hôn anh Đặng Thanh Ch.

+ Về con chung: Chị Phạm Thị Quỳnh D và anh Đặng Thanh Ch có hai con chung là cháu Đặng Quỳnh Nguyệt A, sinh ngày 25/4/2006 và Đặng Gia B, sinh ngày 26/8/2013. Giao cả hai cháu Nguyệt A và Gia B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

+ Về cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Chị D khai không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Buộc chị Phạm Thị Quỳnh D phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đặng Thanh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Quỳnh D và anh Đặng Thanh Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 26/10/2004 tại Ủy ban nhân dân phường Phú Hiệp, thành phố Huế theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và chị D đã có ý định ly hôn anh Ch sau 01 tháng kể từ ngày cưới nhưng được gia đình khuyên can nên chị D đã từ bỏ ý định đó. Cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều bất đồng, mâu thuẫn nên từ tháng 11/2018, chị D đã về nhà ba mẹ mình sống cho đến nay. Kể từ khi sống ly thân cho đến nay, vợ chồng chị D không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa, tình cảm của chị D đối với anh Ch cũng không còn nên chị D làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ch. Xét thấy, vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình trạng mâu thuẫn đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Quỳnh D là chính đáng nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị Quỳnh D và anh Đặng Thanh Ch có 02 con chung là cháu Đặng Quỳnh Nguyệt A, sinh ngày 25/4/2006 và Đặng Gia B, sinh ngày 26/8/2013. Hiện nay hai cháu chủ yếu sống cùng chị D (khi chị D đi công tác thì hai cháu mới lên sống cùng anh Ch). Xét hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị D, cháu Nguyệt A cũng có ý kiến nếu ba mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được ở với mẹ, anh Đặng Thanh Ch không đến làm việc và vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án không biết ý kiến của anh Ch như thế nào về việc nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các cháu thì cần tiếp tục giao các cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đặng Thanh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng: Do chị Phạm Thị Quỳnh D không yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Quỳnh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Phạm Thị Quỳnh D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Phạm Thị Quỳnh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Quỳnh D được ly hôn với anh Đặng Thanh Ch.

2. Về con chung: Giao hai cháu Đặng Quỳnh Nguyệt A, sinh ngày 25/4/2006 và Đặng Gia B, sinh ngày 26/8/2013 cho chị Phạm Thị Quỳnh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Đặng Thanh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Quỳnh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Phạm Thị Quỳnh D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị Quỳnh D phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/008032 ngày 20/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND TP Huế;
- THADS TP Huế;
- UBND phường Phú Hiệp, Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Tú